TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/DS - ST
Ngày 11 - 7 - 2025
"V/v: Tranh chấp kiện đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Khương Đặng Khánh Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Vị

Ông Hà Vĩnh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hòa, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 85/2024/TLST - DS ngày 30 tháng 12 năm 2024 về *"Tranh chấp kiện đòi tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST- DS ngày 10 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Thị V, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn Nh, thị trấn T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc (Nay là Thôn Nh, xã T, tỉnh Phú Thọ), có mặt.

Bị đơn: Ông Hà Trọng Th, sinh năm 1956; Địa chỉ: Thôn T, thị trấn T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc (Nay là Thôn Nh, xã T, tỉnh Phú Thọ), có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị D, sinh năm 1956; Địa chỉ: Thôn T, thị trấn Tam Sơn, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc (Nay là Thôn Nh, xã T, tỉnh Phú Thọ), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện,các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Dương Thị V trình bày: Do có mối quan hệ quen biết với ông Th, ngày 05/9/2015 bà V cho ông Th vay số tiền 54.000.000 đồng (năm mươi tư triệu đồng) để giải quyết công việc gia đình lúc khó khăn. Ông Th có ký tên trong hợp đồng vay vốn và viết giấy xác nhận nợ đề nghị mỗi tháng trả cho bà V 3.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong. Sau khi vay tiền vợ chồng ông Th không thực hiện việc trả tiền đúng như cam kết. Bà V đã nhiều lần đến nhà ông Th đòi nợ nhưng vợ chồng ông Th đều khất lần với lý do làm ăn đầu tư chăn nuôi bị thua lỗ, kinh tế khó khăn nên không trả được tiền. Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Hà Trọng Th và bà Lê Thị D trả cho bà số tiền còn nợ là 54.000.000 đồng (năm mươi tư triệu đồng) và tự nguyện không yêu cầu vợ chồng ông Th phải trả tiền lãi.

Bị đơn ông Hà Trọng Th tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Ông Th không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà V. Ông Th cho rằng trước thời điểm năm 2015, kinh tế khó khăn gia đình ông có vay tiền bà V nhưng số tiền vay không quá 20.000.000 đồng và bà D vợ ông đã thanh toán đầy đủ các khoản nợ cho bà V. Đối với 01 hợp đồng vay vốn và 01 giấy viết tay xác nhận nợ (giấy viết dòng kẻ ngang) cùng ngày 05/9/2015 ông Th cho rằng cùng một ngày ông ký, viết hai văn bản là vô lý, văn bản không có ngày giờ cụ thể, thời hạn trả nợ cụ thể và trong hợp đồng vay vốn có dấu hiệu bị cắt ghép chữ ký của ông vào phần nội dung vay số tiền 54.000.000 đồng. Do vậy ông Th xác định không vay nợ của bà V số tiền 54.000.000 đồng và không đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà V.

Bà Lê Thị D *vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án có quan điểm trình bày:* Bà là vợ ông Th. Năm 2013, bà Nguyễn Thị C (chị dâu ông Th) vay hộ chồng bà số tiền 10.000.000 đồng, ông Th vay 10.000.000 đồng. Sau này bà C đã trả cho chị V 20.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi nhưng do thời gian đã lâu nên không nhớ trả bao nhiêu tiền lãi, bà xác định đã trả đủ cả gốc và lãi. Do vậy đến nay ông Th không còn nợ chị V bất cứ khoản tiền nào. Việc trả nợ chỉ có bà và bà C trả cho chị V, không có người chứng kiến khác, cũng không viết giấy và do tin tưởng nên bà không lấy hoặc hủy giấy nợ, bà xác định khoản tiền ông Th vay bà V dùng chi tiêu việc gia đình. Bà đồng ý với quan điểm của ông Th là không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị V.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ tại phiên

tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật và bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét xử cũng như chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Các đương sự thực hiện tương đối đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Th, bà D phải trả cho bà V số tiền 54.000.000 đồng (năm mươi tư triệu đồng). Về chi phí tố tụng, án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Dương Thị V có đơn khởi kiện yêu cầu ông Hà Trọng Th và bà Lê Thị D phải trả nợ số tiền vay cho bà V. Bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn T, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã T, tỉnh Phú Thọ). Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật giữa các đương sự là *"tranh chấp kiện đòi tài sản"* quy định tại Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân khu vực 11- Phú Thọ.

Tại phiên tòa bà Lê Thị D, đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà D.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Vân khởi kiện yêu cầu ông Th bà D phải có trách nhiệm trả cho bà V số tiền vay còn nợ là 54.000.000 đồng (năm mươi tư triệu đồng). Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xác định cho bị đơn vay số tiền 54.000.000 đồng (năm mươi tư triệu đồng) và cung cấp bản chính hợp đồng vay vốn ngày 05/9/2015 có chữ ký của ông Th và giấy viết tay xác nhận nợ ghi ngày 05/9/2015 do chính ông Th viết và ký tên mục người vay tiền.

Bị đơn cho rằng khoảng năm 2013 có vay tiền của nguyên đơn nhưng hai bên đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Bị đơn không vay của nguyên đơn số tiền 54.000.000 đồng và cho rằng trước đây chỉ vay bà Vân số tiền nhỏ để trang trải kinh tế khó khăn. Ông Th cho rằng căn cứ vào hợp đồng vay vốn do bà V cung cấp ngày 05/9/2015 không có thời hạn trả nợ và giấy xác nhận nợ viết tay dòng kẻ ngang cùng ngày 05/9/2015 không có giờ cụ thể. Hơn nữa ông Th chỉ thừa nhận chữ ký, chữ viết của ông trong giấy xác nhận nợ viết tay dòng kẻ ngang có nhiều

nét giống chữ viết của ông và không thừa nhận trong hợp đồng vay vốn ngày 05/9/2015 là chữ ký, chữ viết của ông. Bị đơn cũng cho rằng giấy vay nợ đã bị cắt ghép cụ thể phần chữ ký của ông đã được ghép vào nội dung vay 54.000.000 đồng. Nhưng ngoài lời trình bày bị đơn cũng không cung cấp tài liệu chứng minh về việc cắt ghép và Tòa án tiến hành làm việc với bà Nguyễn Thị C (chị dâu ông Th) xác định bà C có vay hộ ông Th số tiền 30.000.000 đồng vay trước thời điểm ông Th vay 54.000.000 đồng, đồng thời trả lãi không liên quan đến khoản vay 54.000.000 đồng.

Tòa án tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông Th trong hợp đồng vay vốn, giấy viết tay dòng kẻ ngang cùng ngày 05/9/2015 và các biên bản làm việc, biên bản giao giấy tờ có chữ ký ông Th. Tại kết luận giám định ngày 26/6/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Vĩnh Phúc đã kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên Hà Trọng Th dưới mục "Tôi đã nhận đủ số tiền trên" và "Người vay chồng" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1; dưới mục "Người vay tiền" trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký, chữ viết của ông Hà Trọng Th trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người ký, viết ra.

Do vậy có căn cứ xác định giữa các bên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của việc vay tài sản năm 2015 là có thật. Đến hạn trả nợ bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ mặc dù bà V đã rất nhiều lần gọi điện hoặc trực tiếp đến nhà ông Th đòi nợ. Việc bị đơn không thực hiện đúng cam kết, vi phạm việc trả nợ cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

Ông Th trình bày việc vay nợ giữa ông và bà V thì vợ ông là bà D đều biết và nhiều lần trực tiếp đi trả nợ cho bà V. Qúa trình giải quyết vụ án ông Th, bà D đều xác định ông Th vay tiền bà V để trang trải công việc kinh tế gia đình khi khó khăn. Như vậy có căn cứ xác định mục đích vay tiền của ông Th để sử dụng trong sinh hoạt chung của gia đình. Hiện nay ông Th, bà D đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp và vợ chồng chung sống hòa thuận. Do vậy căn cứ Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình xác định nghĩa vụ trả nợ nêu trên là nghĩa vụ liên đới của vợ chồng ông Th, bà D.

Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu buộc vợ chồng bị đơn phải trả nợ số tiền nợ 54.000.000 đồng (năm mươi tư triệu đồng) là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn đã tạm ứng chi phí giám định tài liệu là 1.900.000 đồng (một triệu chín trăm nghìn đồng). Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Th, bà D phải chịu toàn bộ chi phí giám định và phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà V số tiền chi phí giám định là 1.900.000 đồng (một

triệu chín trăm nghìn đồng) theo quy định tại Điều 161 và Điều 162 Bộ luật tố tụng dân sự;

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn ông Th, bà D phải chịu án phí dân sự tương ứng với số tiền phải trả. Tuy nhiên hiện nay cả hai ông bà đều là người cao tuổi và có đơn xin miễn nên được miễn án phí theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Đối với quan điểm của kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 280, 463, 466, 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; các Điều 147, 161, 162, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị V. Buộc ông Hà Trọng Th và bà Lê Thị D phải có nghĩa vụ trả cho bà Dương Thị V số tiền 54.000.000 đồng (năm mươi tư triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Hà Trọng Th và bà Lê Thị D phải thanh toán trả cho bà Dương Thị V khoản chi phí giám định tài liệu là 1.900.000 đồng (một triệu chín trăm nghìn đồng*)*.

3.Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hà Trọng Th và bà Lê Thị D được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Dương Thị V số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu

tiền số 0001116 ngày 24/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc (Nay là Phòng THADS khu vực 11- Phú Thọ).

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 11 - Phú Thọ;
- Cơ quan THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khương Đặng Khánh Hằng

Nơi nhận:
THẨM
- Viện kiểm sát nhân huyện Sông Lô;
- Chi cục THADS huyện Sông Lô;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khương Đặng Khánh Hằng

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên Toà**

Nguyễn Đức Túc **Nguyễn Thị Hiền** **Khương Đặng Khánh Hằng**